

optimistic (adj)

/ˌɒptɪˈmɪstɪk/

lạc quan



unexpected (adj)

/ˌʌnɪkˈspektɪd/

bất ngờ, ngoài dự kiến



picturesque (adj)

/ˌpɪktʃəˈresk/

đẹp như tranh vẽ



abundant (adj)

/əˈbʌndənt/

dồi dào, phong phú



drastic (adj)

/ˈdræstɪk/

quyết liệt, mạnh mẽ



sincere (adj)

/sɪnˈsɪə(r)/

chân thành

LIVEWORKSHEETS